

Bản án số: 45 /2021/HSST
Ngày: 10/6/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bảy;

Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2021/ 2HSST ngày 27 tháng 5 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST – HS ngày 01 tháng 6 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1989, tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Số nhà 2x/ Đường ĐT 7xx, tổ a, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Đỗ Thị T2; bị cáo có vợ và hai người con lớn sinh ngày 25/02/2018; nhỏ sinh ngày 21/3/2021; tiền sự: Không

Tiền án: 02

Ngày 01/11/2007, Lê Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 36 tháng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về Tội cướp tài sản tại Bản án số 84/2007/HSST.

Ngày 15/8/2011, Lê Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử 03 năm 04 tháng tù tại Bản án số 46/2011/HSST về Tội cướp giật tài sản. Tổng hợp hình phạt 02 Bản án là 06 năm 04 tháng tù. Chấp hành xong toàn bộ Bản án số 46/2011/HSST ngày 15/8/2011 vào ngày 10/10/2015. Tuy nhiên, đối với Bản án số 84/2007/HSST ngày 01/11/2007 bị cáo chưa nộp án phí.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 09/02/2021 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, (có mặt).

2. Phạm Thị Ánh T3, sinh năm 1992, tại tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Số nhà 2c/ Đường ĐT 7cc, tổ a, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ph và bà Vũ Thị C;

bị cáo là vợ của bị cáo Lê Văn T, bị cáo có hai người con lớn sinh ngày 25/02/2018; nhỏ sinh ngày 21/3/2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T và Phạm Thị Ánh T3*: Luật sư Lê Văn N – Văn phòng Luật sư Xuân N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước.

- *Bị hại*:

1. Anh Lê Văn G, sinh năm 2000, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn b, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Anh Lương Lục D, sinh năm 1998, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn c, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. Vũ Văn T4, sinh năm 1982, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/10/2020, Lê Văn T chở Phạm Thị Ánh T3 cùng con gái là Lê Ngọc Tường V (sinh ngày 25/02/2018) bằng xe mô tô biển số 93F4-32XX của T (mua lại của ông Vũ Tiến Thúc) đi từ huyện Đ về hướng huyện B, tỉnh Bình Phước. Khi tới nhà bà Lê Thị Vân (mẹ ruột của anh Lê Văn G) thuộc thôn 5, xã Đ, T thấy không có người ở nhà, nên T dừng xe, để T3 ngồi trên xe trước nhà cảnh giới, còn T vào nhà bà Vân dùng mỏ lết mang theo cạy bản lề cửa lấy trộm xe mô tô mang biển số 73F1-276.XX điều khiển xe chạy trước, còn T3 điều khiển xe chở con chạy theo sau. Khi về đến huyện Đ, T bán xe của bà Vân cho người tên Phong (không rõ nhân thân, lý lịch) được 7.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Bằng phương thức, thủ đoạn nêu trên, vợ chồng T, T3 còn trộm cắp 03 vụ cùng địa bàn huyện B, cụ thể như sau:

- Vào khoảng 08 giờ ngày 27/12/2020, T chở Phạm Thị Ánh T3 vào nhà ông Lương Lục D thuộc thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước lấy trộm xe mô tô biển số 93B1-094.XX điều khiển chạy về bán cho người tên Phong được 4.000.000 đồng.

- Vào khoảng 13 giờ cùng ngày 27/12/2020, T chở Phạm Thị Ánh T3 vào nhà chị Kim Thị Cẩm Nhung (vợ của Nguyễn Văn D) thuộc thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước lấy trộm xe mô tô biển số 93L1-210.XX điều khiển chạy về bán cho người tên Phong được 1.500.000 đồng.

- Vào khoảng 08 giờ ngày 01/01/2021, T chở Phạm Thị Ánh T3 vào nhà ông Vũ Văn T4 (chồng của chị Bùi Thị Mỹ Y) thuộc thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước lấy trộm xe mô tô biển số 93L1-286.xx điều khiển chạy về bán cho người tên Phong được 3.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 03/KL-ĐG ngày 11/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: EXCITER, màu sơn: Xanh, dung tích: 150, biển số 73F1-276.xx, số

khung: 0610FY139xxx, số máy: G3D4E152xxx tại thời điểm xảy ra việc phạm tội có giá trị là 17.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 04/KL-ĐG ngày 11/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu sơn: Vàng - đen, dung tích: 110, biển số 93B1-094.xx, số khung: C6H0DY001xxx, số máy: 5C6H0014xx tại thời điểm xảy ra việc phạm tội có giá trị là 14.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 05/KL-ĐG ngày 11/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: WAVE@, màu sơn: Đen - bạc, dung tích: 109, biển số 93L1-286.xx, số khung: 1254FY2642xx, số máy: HC12E72643xx tại thời điểm xảy ra việc phạm tội có giá trị là 13.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 17/KL-ĐG ngày 03/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS FI, màu sơn: Đen đỏ, dung tích: 113 biển số 93L1-210.XX, số khung: RC30EY0685xx, số máy: 1FC3-0685xx tại thời điểm xảy ra việc phạm tội có giá trị là 15.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà hai bị cáo chiếm đoạt là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng)

- Về vật chứng vụ án:

+ 01 xe mô tô, biển số 93F4-32xx; 01 kim tay có cán màu đỏ; 01 vỏ bao có ghi tên Lâm Thao; 01 kéo bằng sắt; 01 nón bảo hiểm màu đỏ; 01 quần jean màu xanh; 01 áo khoác màu đen; 01 giày màu đen; 01 găng tay bằng vải; 01 nón bảo hiểm màu đỏ; 01 quần thun dài màu đen; 01 áo khoác màu hồng; 01 túi xách màu đen cam; 01 mó lét; 01 áo khoác màu đen; 01 áo khoác nữ màu vàng hiệu adidas có mũ gắn liền; 01 khẩu trang trùm đầu có hoa văn nhiều màu dạng bông hoa. Cơ quan CSĐT - Công an huyện B, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để phục vụ công tác truy tố, xét xử.

+ 04 xe mô tô mà hai bị cáo đã trộm cắp bán cho người tên Phong (không rõ nhân thân, lý lịch). Cơ quan CSĐT – Công an huyện B không thu hồi được, nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Thị Ánh T3 đã bồi thường cho những người bị hại gồm: Anh Nguyễn Văn D số tiền 5.000.000 đồng, anh Lương Lục D số tiền 12.000.000 đồng, anh Lê Văn G số tiền 17.000.000 đồng và anh Vũ Văn T4 số tiền 14.000.000 đồng. Những người bị hại đã nhận đủ số tiền theo yêu cầu và không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự.

Tại Cáo trạng số: 44/CT – VKS.BĐ ngày 26/5/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Lê Văn T và Phạm Thị Ánh T3 về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn T và Phạm Thị Ánh T3 phạm Tội trộm cắp tài sản;

Về hình phạt, áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 30 đến 36 tháng tù, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 09/02/2021 .

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh T3 từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do hai bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có con còn nhỏ nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận tiền bồi không có yêu cầu gì thêm.

Hai bị cáo Lê Văn T và Phạm Thị Ánh T3 thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn T và Phạm Thị Ánh T3 tại phiên tòa cho rằng: Việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Văn T theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là không có căn cứ. Bởi lẽ tại bản án năm 2011 bị cáo đã chấp hành bản án và được tha tù trước thời hạn. Đồng thời tại biên bản xác minh Chi cục thi hành án huyện Đ xác định là chưa có tài liệu tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận đã chấp hành án phí của bản án năm 2007. Như vậy, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, cơ quan tiến hành tố tụng xem việc không có tài liệu chứng cứ làm căn cứ cho rằng bị cáo còn tiền án và áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là không có căn cứ. Bởi các lẽ trên tôi cho rằng hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Lê Văn T là có phần nghiêm khắc.

Đối với bị cáo Phạm Thị Ánh T3, bị cáo đang nuôi con nhỏ (02 tháng tuổi) và có thai trong khi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Những người bị hại không có yêu cầu gì thêm về dân sự, về mặt hình sự những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo vì hai bị cáo đã bồi thường xong và có con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT-Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do lười lao động, nhưng muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên hai vợ chồng Lê Văn T và Phạm Thị Ánh T3 đã bàn bạc và chuẩn bị công cụ phạm tội, như xe mô tô, kìm, kéo bằng sắt, mỏ lết, găng tay để đi trộm cắp tại địa bàn các xã Đ, xã B và xã T, thuộc huyện B, tỉnh Bình Phước. Cụ thể: Từ ngày 30/10/2020 đến ngày 01/01/2021, T và T3 đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản là các xe mô tô biển số 73F1-276.xx; 93P1-094.xx; 93L1-210.XX và 93L1-286.xxcủa những người bị hại là anh Lê Văn G, anh Lương Lục D, anh Nguyễn Văn D và anh Vũ Văn T4.

Tổng giá trị tài sản mà hai bị cáo chiếm đoạt là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng).

Lời khai nhận của hai bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Lê Văn T và Phạm Thị Ánh T3 đã phạm Tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng đối với bị cáo Lê Văn T đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;
- g) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố hai bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội hai bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn được hưởng thụ, hai bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của hai bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Xét toàn bộ vụ án, tính chất mức độ phạm tội của hai bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hai bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Lê

Văn T là người khởi xướng và là người thực hành. Bản thân bị cáo đã có 02 tiền án về các tội xâm phạm sở hữu, chưa được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Thị Ánh khi được chồng rủ trộm cắp tài sản, bản thân là người vợ nhưng bị cáo không can ngăn chồng mà còn giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 04 lần đều trên hai triệu đồng. Do đó, hai bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã bồi thường và khắc phục hậu quả. Hai bị cáo là vợ chồng đang nuôi hai con nhỏ, một con dưới 36 tháng tuổi, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Phạm Thị Ánh T3 là vợ của bị cáo Lê Văn T, khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo là phụ nữ đang mang thai, hiện bị cáo đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ, (lớn sinh ngày 25/02/2018; nhỏ sinh ngày 21/3/2021), dưới 36 tháng tuổi nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức và đang nuôi hai con nhỏ nên có thể chuyển khung hình phạt đối với bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát xét thấy phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Cần tịch thu hóa giá, sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô, biển số 93F4-32xx, do hai bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Cần tịch thu tiêu hủy: 01 kim tay có cán màu đỏ; 01 vỏ bao có ghi tên Lâm Thao; 01 kéo bằng sắt; 01 nón bảo hiểm màu đỏ; 01 quần jean màu xanh; 01 áo khoác màu đen; 01 giày màu đen; 01 găng tay bằng vải; 01 nón bảo hiểm màu đỏ; 01 quần thun dài màu đen; 01 áo khoác màu hồng; 01 túi xách màu đen cam; 01 mũ len; 01 áo khoác màu đen; 01 áo khoác nữ màu vàng hiệu adidas có mũ gắn liền; 01 khẩu trang trùm đầu có hoa văn nhiều màu dạng bông hoa do không còn giá trị sử dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại là anh Nguyễn Văn D đã nhận số tiền 5.000.000 đồng, anh Lương Lục D đã nhận số tiền 12.000.000 đồng, anh Lê Văn G đã nhận số tiền 17.000.000 đồng và anh Vũ Văn T4 đã nhận số tiền 14.000.000 đồng. Tại phiên tòa, những người bị hại không có yêu cầu gì thêm về

dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo do có con nhỏ và đã bồi thường xong.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đối với người tên Phong mua xe trộm cắp của T và T3 do không xác định được nhân thân, lý lịch nên Công an huyện B tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Luật sư bào chữa đề nghị không áp dụng tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo quy định của pháp luật thì trách nhiệm thi hành hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của Bản án là trách nhiệm của người bị kết án, nên không thể lấy lý do chưa nhận được thông báo, Quyết định thi hành án... của các Cơ quan tố tụng để không thi hành và cho đó là lỗi của các Cơ quan tố tụng nhằm được hưởng nguyên tắc có lợi cho bị cáo trong việc xóa án tích. Do đó, quan điểm của luật sư bào chữa là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Phạm Thị Ánh T3 được hưởng án treo do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo Phạm Thị Ánh T3 có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ... Tuy nhiên, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Theo quy định tại khoản 5, Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 quy định về những trường hợp không được hưởng án treo. Quy định Người phạm tội nhiều lần, trừ trường hợp người phạm tội là người dưới 18 tuổi. Do đó, bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T và Phạm Thị Ánh T3 phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 năm, 06 tháng tù (hai năm, sáu tháng tù), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 09/02/2021.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh T3 06 tháng tù (sáu tháng tù), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu hóa giá, sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô, biển số 93F4-32xx.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 kim tay có cán màu đỏ; 01 vỏ bao có ghi tên Lâm Thao; 01 kéo bằng sắt; 01 nón bảo hiểm màu đỏ; 01 quần jean màu xanh; 02 áo khoác màu đen; 01 giày màu đen; 01 găng tay bằng vải; 01 nón bảo hiểm màu đỏ; 01 quần thun dài màu đen; 01 áo khoác màu hồng; 01 túi xách màu đen cam; 01 mũ lưỡi trai; 01 áo khoác nữ màu vàng hiệu adidas có mũ gắn liền; 01 khẩu trang trùm đầu có hoa văn nhiều màu dạng bông hoa.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn T và Phạm Thị Ánh T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, những người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh